

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Bệnh viện Đa khoa Củ Chi thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

- Địa chỉ: 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tài sản đấu giá: Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo quy định tại Phụ lục I - Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024, cụ thể:



h

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.	3,0



Handwritten signature or mark.

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi thành phố Hồ Chí Minh.	3,0
3.	Trong năm 2024, 2025 có số lượng đấu thành các loại tài sản nhiều nhất, cung cấp tài liệu chứng minh	3,0
3.1	Số lượng nhiều nhất	3,0
3.2	Trường hợp còn lại	0
Tổng số điểm		100

* Lưu ý: Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá làm thành 01 bộ in bìa đóng thành quyển.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành



hành nghề đấu giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: 03 (ba) ngày làm việc, từ 07 giờ 00 phút ngày 19 tháng 5 năm 2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 21 tháng 5 năm 2026 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế (A101) - Bệnh viện Đa khoa Củ Chi (1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, Thành phố Hồ Chí Minh); Số điện thoại: 028.6654.8547.

- Hình thức: Hồ sơ đăng ký tham gia được nộp **trực tiếp** tại Bệnh viện Đa khoa Củ Chi hoặc **qua đường bưu điện** (Trường hợp gửi theo đường bưu điện được tính theo đầu bưu điện trước 16 giờ 30 phút của ngày kết thúc thông báo).

- Lưu ý:

+ Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và CMND/CCCD.

+ Bệnh viện Đa khoa Củ Chi không hoàn trả hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đối với các đơn vị không được lựa chọn.

Trên đây là thông báo của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trân trọng thông báo đến các đơn vị được biết và đăng ký tham gia lựa chọn ./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (website: <https://dgts.moj.gov.vn/>);
- Trang thông tin của Bệnh viện (website: <http://benhvienhuyencuchi.com/>);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, VTTBYT.



Nguyễn Tô Bảo Hoàng

DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Mã TSCĐ/ CCDC	Nội dung đề xuất	Model, Số seri	Số lượng	Đơn vị tính
I. Tài sản cố định					
1	T03783152-40215-1205	Máy tạo Oxy	7F-5	1	Máy
2	T03783152-40215-1206	Máy tạo Oxy (Sequal Interga)	70M	1	Máy
3	T03783152-40215-1225	Máy lắc tròn		1	Máy
4	T03783152-815-2433	Máy cất nước 2 tầng	WSC/4D	1	Máy
5	T03783152-815-4276	Máy phân tích ký sinh trùng: máy đọc, máy ủ lãc, máy rửa	Stat Fax 2200	1	Hệ thống
6	T03783152-815-4379	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
7	T03783152-815-4368	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
8	T03783152-815-4371	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
9	T03783152-815-4404	Máy đo điện tim 3 kênh	ECG-1150K	1	Máy
10	T03783152-815-4403	Máy đo điện tim 3 kênh	ECG-1150K	1	Máy
11	T03783152-815-2206	Máy cạo vôi răng bằng siêu âm		1	Máy
12	T03783152-60301-5416	Kẹp phẫu tích gấp Sonde JJ và mảnh sỏi (27175A)	27175A	1	Cái
13	T03783152-815-4537	Bàn phím máy siêu âm ALOKA SSD 1100		1	Cái
14	T03783152-815-4383	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
15	T03783152-60301-5848	Dụng cụ đèn đặt nội khí quản có camera và công optic Airtrag		1	Cái
16	T03783152-60301-5156	Cửa xương phẫu thuật YTJ		1	Cái
17	T03783152-815-4300	Phụ kiện máy siêu âm mắt		1	Cái
18	T03783152-815-4381	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
19	T03783152-60301-5812	Máy phun khí dung (công nghệ Vibronic)		1	Máy
20	T03783152-40215-1202	Máy rửa phim tự động		1	Máy
21	T03783152-815-4268	Máy xét nghiệm nhanh bệnh tiêu đường		1	Máy
22	T03783152-60301-5869	Bộ giá chụp xquang nằm		1	Bộ
23	T03783152-815-2528	Máy hút thai		1	Máy
24	T03783152-815-4374	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
25	T03783152-815-4476	Đèn quang trùng hợp		1	Cái
26	T03783152-815-4275	Kèm lấy sinh thiết, uốn đợc, hàm tác động đôi cỡ 7 Fr, 40cm MS27177A	MS27177A	1	Cái
27	T03783152-815-2207	Máy cạo vôi răng bằng siêu âm		1	Máy
28	T03783152-815-4372	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
29	T03783152-815-4370	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
30	T03783152-815-4366	Máy đo SP02	VO-100	1	Máy
31	T03783152-60301-5155	Máy nghe tim thai PD1+	Ultratec PD1+	1	Máy
32	T03783152-60301-5870	Máy rửa phim Xquang JP-33	JP-33	1	Máy
33	T03783152-815-2415	Hệ thống điện tim Holter	Kenz cardy controller 02	1	Hệ thống
34	T03783152-815-2414	Hệ thống Holter huyết áp 24 giờ	TM 2430	1	Hệ thống
35		Máy siêu âm màu Aloka	Alpha 5	1	Máy
II. Công cụ dụng cụ					
1	T03783152-1571	Đệm chống loét		3	Cái
2	T03783152-6710	Đệm hơi chống loét Model: HF-A		3	Cái
3	T03783152-5884	Đèn Clar dùng điện		1	Cái
4	T03783152-5881	Đèn Clar dùng điện		1	Cái
5	T03783152-5179	Dụng cụ đo huyết áp (người lớn) Yamasu		4	Cái
6	T03783152-5180	Dụng cụ đo huyết áp (nhi) Yamasu		6	Cái
7	T03783152-5839	Máy đo huyết áp Yamasu		3	Cái
8	T03783152-5570	Máy đo huyết áp		3	Cái
9	T03783152-6227	Máy đo huyết áp OMRON 8712		1	Cái
10	T03783152-5197	Nhiệt kế Microlife FRIMFI		1	Cái
11	T03783152-5199	Nhiệt kế Microlife FRIMFI		1	Cái
12	T03783152-5195	Nhiệt kế Microlife FRIMFI		1	Cái
13	T03783152-5198	Nhiệt kế Microlife FRIMFI		1	Cái
14	T03783152-5860	Nhiệt kế hồng ngoại Microlife Model NC200		1	Cái
15	T03783152-5193	Nhiệt kế Microlife FRIMFI		1	Cái
16	T03783152-5251	Nhiệt kế đo trán		1	Cái

STT	Mã TSCĐ/ CCDC	Nội dung đề xuất	Model, Số seri	Số lượng	Đơn vị tính
17	T03783152-5217	Nhiệt kế hồng ngoại Microlife		1	Cái
18	T03783152-5249	Nhiệt kế đo trán		1	Cái
19	T03783152-5810	Dụng cụ soi ven, BD2200		1	Cái
20	T03783152-6250	Kéo nhọn 16cm loại tốt, Ns, 2021		5	Cái
21	T03783152-6248	Kéo nhọn 16cm loại tốt, Ns, 2021		5	Cái
22	T03783152-6252	Kéo nhọn 16cm loại tốt, Ns, 2021		2	Cái
23	T03783152-6251	Kéo nhọn 16cm loại tốt, Ns, 2021		3	Cái
24	T03783152-6247	Kéo nhọn 16cm loại tốt, Ns, 2021		5	Cái
25	T03783152-6029	Máy đo Spo2 cầm tay/ để bàn-Model:NT1A, Hãng sản xuất:SOLARIS/Mỹ		1	Cái
26	T03783152-6027	Máy đo Spo2 cầm tay/ để bàn-Model:NT1A, Hãng sản xuất:SOLARIS/Mỹ		1	Cái
27	T03783152-6032	Máy đo Spo2 cầm tay/ để bàn-Model:NT1A, Hãng sản xuất:SOLARIS/Mỹ		1	Cái
28	T03783152-6030	Máy đo Spo2 cầm tay/ để bàn-Model:NT1A, Hãng sản xuất:SOLARIS/Mỹ		1	Cái
29	T03783152-5272	Máy phun khí dung C29		1	Cái
30	T03783152-5271	Máy Spo2 IOM A3		1	Cái
31	T03783152-6361	Thiết bị ghi nhiệt độ và độ ẩm TH8		1	Cái
32	T03783152-6361	Thiết bị ghi nhiệt độ và độ ẩm TH8		1	Cái
33	T03783152-5532	Thiết bị cảnh báo nhiệt độ và độ ẩm bằng tin nhắn		1	Cái
34	T03783152-5278	Vali cấp cứu		1	Cái
35	T03783152-5279	Vali cấp cứu		1	Cái
36	T03783152-5146	Valy đựng tài liệu đồ sơ cứu		1	Cái
37	T03783152-4903	Xe lăn		2	Cái
38	T03783152-4905	Xe lăn		1	Cái
39	T03783152-4902	Xe lăn		1	Cái
40	T03783152-2647	Xe đẩy dụng cụ(cái)		1	Cái
41	T03783152-6326	Bình tạo âm CCO Model HM-8, NS, 2021		20	Cái
42	T03783152-4893	Nhíp 3 lỗ mẫu		1	Cái
43	T03783152-5158	Kéo vi phẫu 9cm		1	Cái
44	T03783152-5378	Kẹp kim Mayo- Hegar 16cm		1	Cái
45	T03783152-4882	Máy lặn kim		1	Cái
46	T03783152-6253	Lưu lượng kế oxy RTM3+ Bình làm ấm CCO250ml dùng cho trẻ lớn và		1	Cái
47	T03783152-6221	Bình sát khuẩn tự động, Ns, 2021		1	Cái
48	T03783152-3528	máy xoa bóp (máy)		1	Cái
49	T03783152-5283	Bàn Mayo		1	Cái
50	T03783152-5015	Cáng đầy		8	Cái
51	T03783152-5366	Tay khoan nhanh Pana Max		2	Cái
52	T03783152-5016	Cáng đầy		1	Cái
53	T03783152-5152	Tua vít SW 2.5		1	Cái
54	T03783152-5011	Cáng đầy		1	Cái
55	T03783152-5013	Cáng đầy		1	Cái
56	T03783152-5012	Cáng đầy		1	Cái
57	T03783152-5014	Cáng đầy		1	Cái
58	T03783152-5876	Micropipet 100-1000ul		1	Cái
59	T03783152-6364	Đồng hồ nhiệt ẩm kế môi trường		5	Cái
60	T03783152-6223	Chi thị đông băng Freeze-tag		3	Cái
61	T03783152-6753	Chi thị đông băng Freeze-tag		2	Cái
62	T03783152-5530	Chi thị đông băng Berlinger		1	Cái
63	T03783152-5529	Chi thị đông băng Berlinger		1	Cái
64	T03783152-4807	Nhiệt kế có kiểm định		1	Cái
65	T03783152-5307	Nhiệt kế kiểm định tự ghi		2	Cái
66	T03783152-6345	Khung chụp băng ca, NS, 2021		10	Cái
67		Tủ đầu giường Inox		4	Cái
68		Tủ thao tác		1	Cái
69		Nệm		100	Cái
70		Siêu sắc thuốc		20	Cái
71		Thiết bị theo dõi nhiệt độ Data logger		1	Cái
72		Máy ép nhiệt		1	Cái
73		Ghế bố		20	Cái
74		Giường Inox cũ		26	Cái

STT	Mã TSCĐ/ CCDC	Nội dung đề xuất	Model, Số seri	Số lượng	Đơn vị tính
75		Đèn đọc phim - Xquang		1	Cái
76		Đèn khám thị lực		1	Cái
77		Băng ca giường nằm		3	Cái
78		Băng ca tay		1	Cái
79		Băng ca xe cứu thương		1	Cái
80		Bục leo Inox		3	Cái
81		Cân sức khỏe có thước đo (cũ)		1	Cái
82		Cân sức khỏe có thước đo (mới)		2	Cái
83		Cân sức khỏe Nhơn Hòa		1	Cái
84		Cây dịch truyền		2	Cây
85		Tay nghe ALPK		10	Cái
86		Máy châm cứu		15	Cái
87		Dao mổ điện GIMA	380	1	Cái
88		Máy bơm tiêm điện TERUMO	TE331	2	Cái
89		Máy đo điện tim 3 kênh	9620	2	Cái
90		Máy đo ECG 03 DELTA 1 Pluz		2	Cái
91		Máy hút dịch THOMAS	1206	1	Cái
92		Máy ly tâm Hettich	D-78532	1	Cái
93		Máy ly tâm máu	Haemato Krit-20	1	Cái
94		Máy phân tích nước tiểu TECO DIAGNOSTICS	URITEK-151	1	Cái
95		Máy phun khí dung Philips		1	Cái